

Số: 219/2023/CBTT - VIWASUPCO

Hoà Bình, ngày 25 tháng 4 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
2. Mã chứng khoán: VCW
3. Trụ sở chính: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
4. Điện thoại: (84) 02183 840 146 Fax: (84) 02183 840 148
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Xuân Quý
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
7. Nội dung của thông tin công bố:

1. Ngày 25/4/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Công ty xin công bố thông tin về Biên bản số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ cùng các tài liệu đính kèm có liên quan.
2. Trong cùng ngày 25/4/2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã tiến hành họp và bầu Ông Lê Văn Thăng – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà nhiệm kỳ 2020 – 2025 (có Nghị quyết của HĐQT đính kèm)

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty tại đường link viwasupco.com.vn. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu TCHC

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Xuân Quý

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Trụ sở chính: Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh hòa Bình cấp ngày 17/12/2009; thay đổi lần thứ 6 ngày 24/02/2020;

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2023, vào hồi 9^h 00' tại Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình), Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được tiến hành với các nội dung sau:

I. PHẦN THỨ NHẤT - KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông:

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Mạnh Hải** - Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp như sau:

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là 137 Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, sở hữu hoặc đại diện sở hữu 75.000.000 cổ phần phổ thông.

(Danh sách Cổ đông được mời tham dự Đại hội được lập trên cơ sở danh sách chốt tại ngày 23/3/2023)

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là 10 Cổ đông, sở hữu/đại diện cho tổng số **73.832.556** cổ phần, tương đương với 98,44% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Ông **Vương Ngọc Văn** – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính Công ty thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

2.1 Chào cờ và tuyên bố lý do tổ chức Đại hội

2.2 Giới thiệu Đại biểu, khách mời tham dự;

2.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, gồm:

+ Ông Nguyễn Hoàng Long - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa

+ Ông Trương Khắc Hoàn - P.Chủ tịch HĐQT Công ty

- + Ông Nguyễn Xuân Quý - Ủy viên HĐQT Công ty
- 2.4. Chủ tọa chỉ định Ban thư ký gồm:
 - + Bà : Đinh Thị Thùy Dương - Thư ký HĐQT - Trưởng ban
 - + Bà: Trần Minh Nghĩa - Thành viên

3. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị; Bầu Ban kiểm phiếu/bầu cử tại Đại hội;

- Đại hội đã nghe Ông Vương Ngọc Văn – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính thay mặt Ban tổ chức đọc Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

- Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 73.832.556 cổ phần, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không tán thành hoặc không có ý kiến.

- Đại hội đã biểu quyết thông qua việc bầu Ban kiểm phiếu biểu quyết và lưu nhiệm làm ban bầu cử tại Đại hội gồm các Ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Mạnh Hải - Trưởng Ban
- Ông Đặng Gia Mươi; - Thành viên
- Bà Bùi Thị Vũ Anh: - Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 73.832.556 cổ phần, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không tán thành hoặc không có ý kiến.

II. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Xuân Quý – Tổng Giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 152/2023/BC – HĐQT ngày 29/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2023;

- Tờ trình số 159/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT đã trình bày trước Đại hội:

- Tờ trình số 161/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025;

3. Ông Đào Gia Thắng – Kế Toán Trưởng Công ty trình bày trước đại hội:

- Tờ trình số 155/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

- Tờ trình số 157/2023/TTr- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2023;

- Tờ trình số 158/2023/TTr- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023;

4. Ông Nguyễn Việt Trung – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo ngày 29/3/2023 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022;

- Tờ trình số 156/2022/TTr- BKS ngày 29/3/2022 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

5. Ông Bùi Lê Khoa - P.Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội:

- Tờ trình số 160/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về Chủ trương điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ sông Đà về khu xử lý nước của Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông”, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ (“*Dự án Giai đoạn II*”).

6. Ông Trương Khắc Hoàn – P.Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 153/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

- Báo cáo số 154/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị;

III. PHẦN THỨ BA – THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:

Không có Cổ đông nào có câu hỏi đối với Đoàn chủ tịch.

IV. PHẦN THỨ TƯ - KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Hoàng Long – Chủ tọa Đại hội nêu lần lượt các vấn đề được đưa ra và biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội theo hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết và bầu dồn phiếu (đối với bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị), kết quả biểu quyết như sau:

1. Báo cáo số 152/2023/BC – HĐQT ngày 29/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2023.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo số 152/2023/BC – HĐQT ngày 29/3/2023 của Ban Giám đốc Công ty về kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2023, với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022/giải ngân năm 2022	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng sản lượng nước	m ³	104.351.517	106.661.044	102%
	Sản lượng trung bình ngày	m ³ /ngđ	285.894	292.222	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	537,891	548,915	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	175,04	201,41	115%
4	Công tác đầu tư	Tỷ đồng	2.300,543	595,237	25,87%

b. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785
	Sản lượng trung bình ngày	m ³ /ngđ	300.375
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	563.990
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	54.379

c. Kế hoạch đầu tư năm 2023:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2023 (10 ⁹)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.234,11
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	612,66
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	5,63
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.852,40

ĐHĐCĐ giao/ ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty năm 2023 cho phù hợp (nếu cần).

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: **73.832.556** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Báo cáo số 153/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo số số 153/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: **73.832.556** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Báo cáo số 154/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn cáo số 154/2023/BC- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Tờ trình số 155/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm tại Tờ trình 155/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

5. Tờ trình 156/2022/TTr- BKS ngày 29/3/2022 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 156/2022/TTr-BKS ngày 29/3/2022 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- + Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- + Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

6. Tờ trình số 157/2023/TTr- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2023;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình 157/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2022, cụ thể như sau:

Năm 2022: Thù lao HĐQT và BKS đã chi trả là: 2.640.000.000 đồng.

Trong đó:

HĐQT là: 2.040.000.000 đồng/năm

BKS là: 600.000.000 đồng/năm

Năm 2023: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

7. Tờ trình số 158/2023/TTr- HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 158/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		212.056.508.457
2	Thuế TNDN		10.645.176.002
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) – (2)		201.411.332.455
4	Tạm ứng cổ tức năm 2022	10%	75.000.000.000
5	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		461.508.113.337
6	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 là: (5) = (3) + (5) – (4)		587.919.445.792
7	Cổ tức năm 2022 bằng tiền 15% (đã tạm ứng 10% còn phân phối 5% dự kiến thực hiện trong Quý III/2023)	5%	37.500.000.000
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau		550.419.445.792

	(8) = (6) - (7)		
9	Kế hoạch trả cổ tức năm 2023	10%	

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế năm 2023 để quyết định việc chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 cho phù hợp.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: **73.832.556** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

8. Báo cáo ngày ngày 29/3/2023 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo ngày ngày 29/3/2023 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2022;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: **73.832.556** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

9. Tờ trình số 160/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về Chủ trương điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ sông Đà về khu xử lý nước của Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua chủ trương điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ sông Đà về khu xử lý nước của Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ ("**Dự án Giai đoạn II**") nhằm mục tiêu tối ưu hóa hệ thống và không vượt Tổng mức đầu tư của Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022 của HĐQT.

Giao/Ủy quyền cho HĐQT quyết định, tổ chức triển khai hoàn thiện phương án và phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án nêu trên) và báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp ĐHCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Giao/Ủy quyền cho HĐQT quyết định, phê duyệt và thực hiện các nội dung, công việc, vấn đề (bao gồm cả các nội dung, công việc, vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ) liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II (trước và sau khi được điều chỉnh như nêu trên) phù hợp với các nghị quyết của ĐHCĐ về Dự án Giai đoạn II. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp ĐHCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền được nêu ở trên.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

10. Tờ trình số 159/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như nội dung tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm Tờ trình số 159/2023/TTr-HĐQT.

- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty triển khai các công việc để ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung theo nội dung đã được phê duyệt.
- Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty triển khai các công việc để ban hành toàn văn Điều lệ của Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung theo nội dung đã được phê duyệt.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

11. Tờ trình số 161/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do có đơn từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc:

- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với Ông Nguyễn Hoàng Long và Ông Bùi Lê Khoa kể từ ngày 25/4/2023;
- Miễn nhiệm tư cách thành viên độc lập HĐQT đối với Ông Nguyễn Anh Tuấn kể từ ngày 25/4/2023. Ông Nguyễn Anh Tuấn vẫn là Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: 73.832.556 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

12. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-

2025 bằng hình thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là kể từ ngày được bầu cho đến khi nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội đồng quản trị Công ty kết thúc. Kết quả bầu cử như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số cổ phần bầu cử
1.	Lê Văn Thăng	73.832.556
2	Bùi Đăng Khoa	73.832.556

Như vậy, với kết quả bầu như nêu trên, ông Lê Văn Thăng và Ông Bùi Đăng Khoa đã trúng cử vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

V. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Bà Đinh Thị Thùy Dương – thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội.
2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là: **73.832.556** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VI. PHẦN THỨ NĂM – CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI:

- Ông **Nguyễn Hoàng Long** phát biểu tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 11h00 ngày 25/4/2023.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông Công ty;
- Các TVHĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Hoàng Long

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Thùy Dương

Trần Minh Nghĩa

Số: 01 /2023/NQ - ĐHĐCD

Hòa Bình, ngày 25 tháng 04 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thông qua ngày 27/4/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/4/2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/BB – ĐHĐCDTN ngày 25/04/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 152/2023/BC-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”), cụ thể:
 - a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022/giải ngân năm 2022	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng sản lượng nước	m ³	104.351.517	106.661.044	102%
	Sản lượng trung bình ngày	m ³ /ngđ	285.894	292.222	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	537,891	548,915	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	175,04	201,41	115%
4	Công tác đầu tư	Tỷ đồng	2.300,543	595,237	25,87%

- b. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785
	Sản lượng trung bình ngày	m ³ /ngđ	300.375
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	563.990
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	54.379

c. Kế hoạch đầu tư năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2023 (10 ⁹)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.234,11
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	612,66
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	5,63
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.852,40

ĐHĐCĐ giao/ ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty năm 2023 cho phù hợp (nếu cần).

- Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm.
- Thông qua toàn văn Báo cáo số 153/2023/BC-HĐQT ngày 29/03/2023 của HĐQT về hoạt động HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2023;
- Thông qua toàn văn Báo cáo ngày 29/3/2023 của Ban kiểm soát Công ty (“BKS”) về hoạt động BKS năm 2022;
- Thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 156/2023/TTr-BKS ngày 29/3/2023 của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:
 - Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
 - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Thông qua nội dung tại Tờ trình số 157/2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023, cụ thể như sau:

6.1. Năm 2022: Thù lao HĐQT và BKS là: 2.640.000.000 đồng.

Trong đó:

HĐQT là: 2.040.000.000 đồng/năm

BKS là: 600.000.000 đồng/năm

6.2. Năm 2023: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

7. Thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 158 /2023/TTr-HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023;

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		212.056.508.457
2	Thuế TNDN		10.645.176.002
3	Lợi nhuận sau thuế (3) = (1) – (2)		201.411.332.455
4	Tạm ứng cổ tức năm 2022	10%	75.000.000.000
5	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước		461.508.113.337
6	Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 là: (5) = (3) + (5) – (4)		587.919.445.792
7	Cổ tức năm 2022 bằng tiền 15% (đã tạm ứng 10% còn phân phối 5% dự kiến thực hiện trong Quý III/2023)	5%	37.500.000.000
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (8) = (6) - (7)		550.419.445.792
9	Kế hoạch trả cổ tức năm 2023	10%	

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế năm 2023 để quyết định việc chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 cho phù hợp.

8. Thông qua toàn văn Báo cáo số 154/2023/BC-HĐQT, ngày 29/3/2023 của HĐQT Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT.
9. Thông qua chủ trương điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ sông Đà về khu xử lý nước của Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ (“**Dự án Giai đoạn II**”) nhằm mục tiêu tối ưu hóa hệ thống và không vượt Tổng mức đầu tư của Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022 của HĐQT.

Giao/Ủy quyền cho HĐQT quyết định, tổ chức triển khai hoàn thiện phương án và phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án nêu trên) và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Giao/Ủy quyền cho HĐQT quyết định, phê duyệt và thực hiện các nội dung, công việc, vấn đề (bao gồm cả các nội dung, công việc, vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ) liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II (trước và sau khi được điều chỉnh như nêu trên) phù hợp với các nghị quyết của ĐHĐCĐ về Dự án Giai đoạn II. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền được nêu ở trên.

10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà như Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm Nghị quyết này.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty triển khai các công việc để ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của

HDQT Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung theo nội dung đã được phê duyệt.

- Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty triển khai các công việc để ban hành toàn văn Điều lệ của Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung theo nội dung đã được phê duyệt.

11. Thông qua việc:

- Miễn nhiệm thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 đối với Ông Nguyễn Hoàng Long và Ông Bùi Lê Khoa kể từ ngày 25/4/2023;
- Miễn nhiệm tư cách thành viên độc lập HDQT đối với Ông Nguyễn Anh Tuấn kể từ ngày 25/4/2023. Ông Nguyễn Anh Tuấn vẫn là Thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025.

12. Thông qua việc bầu bổ sung Ông Lê Văn Thăng và Ông Bùi Đăng Khoa làm thành viên HDQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 kể từ ngày 25/4/2023.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2023.
2. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhân:

- Như Điều 2 (T/hiện);
- UB Chứng khoán NN;
- VSD, SGDCK;
- Website Công ty;
- Lưu VP.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Hoàng Long
Nguyễn Hoàng Long



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



1/25
C
C
AU
S
/04

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Long	Chủ tịch
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Lê Khoa	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Quý	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Việt Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2023

Số: 0782/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

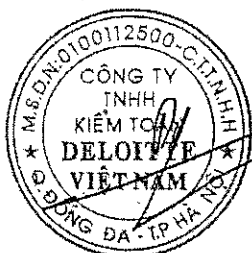
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Hồng Dương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 02 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

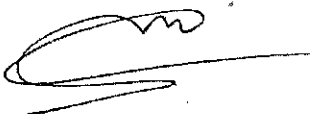
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.681.854.377	652.380.650.397
I. Tiền	110	4	38.368.300.601	52.942.478.054
1. Tiền	111		38.368.300.601	52.942.478.054
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.108.529.219	507.837.458.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	122.122.991.817	116.368.090.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	129.526.912.459	358.182.568.631
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.458.624.943	33.286.799.209
III. Hàng tồn kho	140	8	24.339.166.517	51.474.828.043
1. Hàng tồn kho	141		25.616.214.818	52.800.805.822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.277.048.301)	(1.325.977.779)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.865.858.040	40.125.885.787
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.945.827	18.717.628
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		108.860.912.213	40.107.168.159
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.478.202.543.029	1.626.455.694.254
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.652.304.000	1.787.142.000,00
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.652.304.000	1.787.142.000
II. Tài sản cố định	220		830.359.476.589	930.191.675.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	830.359.476.589	930.191.675.980
- Nguyên giá	222		2.266.624.583.393	2.263.009.213.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.436.265.106.804)	(1.332.817.537.229)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		878.969.151	878.969.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(878.969.151)	(878.969.151)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.515.896.210.569	561.323.307.243
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.515.896.210.569	561.323.307.243
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		120.859.325.759	120.859.325.759
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	120.859.325.759	120.859.325.759
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.435.226.112	12.294.243.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.613.020.958	6.044.189.518
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	5.822.205.154	6.250.053.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.902.884.397.406	2.278.836.344.651

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.562.762.825.570	915.126.105.270
I. Nợ ngắn hạn	310		473.121.634.668	272.833.281.221
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	351.639.638.051	117.955.927.343
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	14.147.832.503	12.792.834.159
3. Phải trả người lao động	314		8.733.679.248	5.922.580.286
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.262.557.172	6.916.668.406
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.207.063.710	841.623.648
6. Vay ngắn hạn	320	16	88.728.281.007	125.218.547.753
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		402.582.977	3.185.099.626
II. Nợ dài hạn	330		1.089.641.190.902	642.292.824.049
1. Vay dài hạn	338	17	1.089.641.190.902	642.292.824.049
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.340.121.571.836	1.363.710.239.381
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.340.121.571.836	1.363.710.239.381
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.000.000.000	750.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.202.126.044	2.202.126.044
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		587.919.445.792	611.508.113.337
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		461.508.113.337	412.833.262.535
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		126.411.332.455	198.674.850.802
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.902.884.397.406	2.278.836.344.651




Nguyễn Minh Đức
 Người lập biểu



Đào Gia Thăng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Xuân Quý
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng	01	20	548.914.691.125	524.968.138.157		
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		548.914.691.125	524.968.138.157		
3. Giá vốn hàng bán	11	21	259.726.875.334	248.237.861.812		
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		289.187.815.791	276.730.276.345		
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.710.255.349	6.347.916.278		
6. Chi phí tài chính	22	24	50.187.401.574	45.818.160.905		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.187.401.574	45.635.156.375		
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	33.563.281.665	27.798.626.335		
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		212.147.387.901	209.461.405.383		
9. Thu nhập khác	31		-	8.350.054		
10. Chi phí khác	32		90.879.444	112.667.828		
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(90.879.444)	(104.317.774)		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		212.056.508.457	209.357.087.609		
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	10.645.176.002	10.682.236.807		
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		201.411.332.455	198.674.850.802		
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.685	2.649		

Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	212.056.508.457	209.357.087.609
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	103.447.569.575	109.450.494.120
Các khoản dự phòng	03	(48.929.478)	77.631.799
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.710.255.349)	(6.347.916.278)
Chi phí lãi vay	06	50.187.401.574	45.635.156.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	358.932.294.779	358.172.453.625
Giảm các khoản phải thu	09	121.357.628.127	12.614.909.498
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	27.612.439.604	(3.277.834.120)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(60.152.769.100)	(336.508.963)
Giảm chi phí trả trước	12	2.444.940.361	8.766.147.266
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.872.526.390)	(44.687.721.318)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.456.264.809)	(11.293.750.520)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.782.516.649)	(3.663.892.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	390.083.225.923	316.293.803.467
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(597.316.529.832)	(735.081.555.232)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.710.255.349	6.710.310.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(590.606.274.483)	(728.371.244.433)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	553.820.350.826	309.240.347.279
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(142.962.250.719)	(121.651.771.206)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(224.909.229.000)	(51.300.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	185.948.871.107	187.537.276.073
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(14.574.177.453)	(224.540.164.893)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.942.478.054	277.482.642.947
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	38.368.300.601	52.942.478.054

Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 24 tháng 02 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCoM từ ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Công ty mẹ tối cao là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 132 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 128).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thăm dò địa chất nguồn nước).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 20 tháng 01 năm 2022.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

104
TY
AN
SA
ĐÀ
T.H.C

11
01
01
L
E
/ 01

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

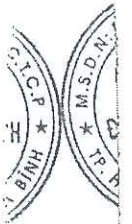
Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất. Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



12
N
N
1
0
1
A
11

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	06 - 20
Phương tiện vận tải	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập với chi phí thanh lý, nhượng bán cộng giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình. Số lãi, lỗ này được ghi nhận là một khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Số năm
02 - 03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu và các khoản chi phí lãi vay phải trả. Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

107,
IGT
PH
NƯỚC
NG
NH -



Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.185.570.730	757.155.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.182.729.871	52.185.322.983
	38.368.300.601	52.942.478.054

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Viwaco	58.263.799.172	68.315.078.680
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	21.210.614.737	19.706.057.246
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	20.555.742.279	10.027.042.315
Khác	22.092.835.629	18.319.912.432
	122.122.991.817	116.368.090.673

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	55.723.317.450	271.746.176.825
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP (Viwaseen)	25.459.612.699	49.929.866.912
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	19.637.257.627	19.637.257.627
Các nhà cung cấp khác	28.706.724.683	16.869.267.267
	129.526.912.459	358.182.568.631
Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	19.637.257.627	19.637.257.627

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1.186.681.900	33.159.374.353
Đặt cọc	134.838.000	-
Các khoản phải thu khác	137.105.043	127.424.856
	1.458.624.943	33.286.799.209
b. Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	1.652.304.000	1.787.142.000
	1.652.304.000	1.787.142.000
Trong đó: Tạm ứng cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	-	10.000.000.000

8. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	25.097.448.451	(1.277.048.301)	52.258.380.304	(1.325.977.779)
Công cụ, dụng cụ	518.766.367	-	542.425.518	-
	25.616.214.818	(1.277.048.301)	52.800.805.822	(1.325.977.779)
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	5.822.205.154	-	6.250.053.754	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị dự phòng hàng tồn kho được trích lập với số tiền 1.277.048.301 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.325.977.779 VND) cho các hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.253.086.318	5.479.745.690
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.347.255.467	367.419.514
Chi phí trả trước khác	12.679.173	197.024.314
	3.613.020.958	6.044.189.518

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.015.698.644.397	227.906.008.837	16.885.387.273	2.519.172.702	2.263.009.213.209
Mua sắm trong năm	-	279.299.951	1.301.218.182	-	1.580.518.133
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.034.852.051	-	-	-	2.034.852.051
Số dư cuối năm	2.017.733.496.448	228.185.308.788	18.186.605.455	2.519.172.702	2.266.624.583.393
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.165.704.303.538	154.310.265.634	10.803.562.284	1.999.405.773	1.332.817.537.229
Khấu hao trong năm	89.312.698.436	11.777.483.490	2.107.912.791	249.474.858	103.447.569.575
Số dư cuối năm	1.255.017.001.974	166.087.749.124	12.911.475.075	2.248.880.631	1.436.265.106.804
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	849.994.340.859	73.595.743.203	6.081.824.989	519.766.929	930.191.675.980
Tại ngày cuối năm	762.716.494.474	62.097.559.664	5.275.130.380	270.292.071	830.359.476.589

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoảng 811,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 906,9 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 17).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 554,5 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 552,1 tỷ VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông (i)	1.515.568.837.872	559.224.380.745
Dự án khác	327.372.697	2.098.926.498
	<u>1.515.896.210.569</u>	<u>561.323.307.243</u>

- (i) Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 25.478.041.115 VND (năm 2021: 7.068.653.950 VND) là lãi của các khoản vay phục vụ thanh toán chi phí đầu tư hình thành Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Viwaco (i)	120.734.325.759	-	120.734.325.759	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất (ii)	125.000.000	-	125.000.000	-
	<u>120.859.325.759</u>	<u>-</u>	<u>120.859.325.759</u>	<u>-</u>

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 124.115.580.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 155.506.680.000 VND) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu VAV trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà công ty đang nắm giữ.

Công ty đang thực hiện cầm cố 4.829.400 cổ phiếu VAV của Công ty Cổ phần Viwaco mệnh giá 48.294.000.000 VND được lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (Thuyết minh số 17).

- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Trong năm 2022, Công ty nhận được cổ tức từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Viwaco với số tiền là 6.036.750.000 VND và của Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất với số tiền là 80.415.500 VND.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số cuối năm VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	9.491.889.512	5.555.110.288	5.462.457.136	9.584.542.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.682.236.807	10.645.176.002	9.456.264.809	3.871.148.000
Thuế tài nguyên	512.535.397	5.535.417.387	5.472.983.495	574.969.289
Thuế thu nhập cá nhân	102.058.990	1.710.577.902	1.698.812.600	113.824.292
Các loại thuế khác	4.113.453	5.304.045.819	5.304.811.014	3.348.258
	12.792.834.159	28.750.327.398	27.395.329.054	14.147.832.503

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	258.652.337.728	258.652.337.728	89.500.277.346	89.500.277.346
Công ty Cổ phần công nghệ dịch vụ điện tổng hợp GEST	33.017.144.400	33.017.144.400	-	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP (Viwaseen)	28.593.621.899	28.593.621.899	15.642.953.458	15.642.953.458
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Trường An	1.478.170.244	1.478.170.244	1.396.651.340	1.396.651.340
Công ty Cổ phần LICOGI 16	313.775.274	313.775.274	5.927.897.789	5.927.897.789
Các nhà cung cấp khác	29.584.588.506	29.584.588.506	5.488.147.410	5.488.147.410
	351.639.638.051	351.639.638.051	117.955.927.343	117.955.927.343
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	9.889.863.011	9.889.863.011	-	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	8.047.045.554	5.732.170.370
Chi phí điện năng	-	1.058.572.160
Chi phí phải trả khác	215.511.618	125.925.876
	8.262.557.172	6.916.668.406
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	-	236.694.444

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
Vay ngắn hạn	120.305.525.565	120.305.525.565	386.558.961.785	445.049.228.531	61.815.258.819
Vay ngân hàng	64.005.525.565	64.005.525.565	125.858.961.785	128.049.228.531	61.815.258.819
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình (i)	64.005.525.565	64.005.525.565	125.858.961.785	128.049.228.531	61.815.258.819
Vay Bên liên quan	56.300.000.000	56.300.000.000	260.700.000.000	317.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (i)	35.300.000.000	35.300.000.000	186.900.000.000	222.200.000.000	-
Công ty TNHH Nước sạch REE (i)	21.000.000.000	21.000.000.000	73.800.000.000	94.800.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 17)	4.913.022.188	4.913.022.188	26.913.022.188	4.913.022.188	26.913.022.188
	125.218.547.753	125.218.547.753	413.471.983.973	449.962.250.719	88.728.281.007

(i) Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Dư nợ cuối kỳ (VND)	Dư nợ đầu kỳ (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	61.815.258.819	64.005.525.565	7%-7,5%/năm	- Thời hạn cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp

MẪU SỐ B 09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	647.205.846.237	647.205.846.237	167.261.389.041	4.913.022.188	809.554.213.090	809.554.213.090
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (i)	587.021.324.420	587.021.324.420	167.261.389.041	-	754.282.713.461	754.282.713.461
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	60.184.521.817	60.184.521.817	-	4.913.022.188	55.271.499.629	55.271.499.629
Vay bên liên quan	-	-	317.000.000.000	10.000.000.000	307.000.000.000	307.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (i)	-	-	222.200.000.000	10.000.000.000	212.200.000.000	212.200.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE (i)	-	-	94.800.000.000	-	94.800.000.000	94.800.000.000
	647.205.846.237	647.205.846.237	484.261.389.041	14.913.022.188	1.116.554.213.090	1.116.554.213.090

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

26.913.022.188

1.089.641.190.902

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bên cho vay	Dư nợ cuối kỳ (VND)	Dư nợ đầu kỳ (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Nước sạch REE	94.800.000.000	21.000.000.000	10%/năm	Gồm 3 Hợp đồng: - Hợp đồng số 01/2021/HĐV ngày 13/12/21, thời hạn vay 25 tháng - Hợp đồng số 01/2022/HĐV ngày 22/01/22, thời hạn vay 25 tháng, thời hạn vay 19 tháng - Hợp đồng vay số 02/2022/HĐV ngày 12/88/22, thời hạn vay 17 tháng - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước và chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m3	Tin chấp
Công ty CP Hạ tầng GELEX	212.200.000.000	35.300.000.000	10%/năm	Gồm 4 Hợp đồng vay: - Hợp đồng cho vay số 1312/2021/HĐV/HT-SĐ ngày 13/12/2021, thời hạn vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 15/03/2024 - Hợp đồng vay số 2201/2022/HĐV ngày 22/01/2022, thời hạn vay từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 21/04/2024 - Hợp đồng vay số 1506/2022/HĐV ngày 15/06/2022, thời hạn vay từ ngày giải ngân cho đến ngày 15/03/2024 - Hợp đồng vay số 2208/2022/HĐV tại 22/08/2022, thời hạn vay 21 tháng. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước và chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m3	Tin chấp



11/01/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	26.913.022.188	4.913.022.188
Trong năm thứ hai	333.913.022.188	46.843.116.789
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	225.618.676.584	140.529.350.368
Sau năm năm	530.109.492.130	454.920.356.892
	1.116.554.213.090	647.205.846.237
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	26.913.022.188	4.913.022.188
Số phải trả sau 12 tháng	1.089.641.190.902	642.292.824.049



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	414.782.241.021	1.166.984.367.065
Lợi nhuận trong năm	-	-	198.674.850.802	198.674.850.802
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.948.978.486)	(1.948.978.486)
Số dư cuối năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	611.508.113.337	1.363.710.239.381
Số dư đầu năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	611.508.113.337	1.363.710.239.381
Lợi nhuận trong năm	-	-	201.411.332.455	201.411.332.455
Cổ tức công bố (i)	-	-	(225.000.000.000)	(225.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	587.919.445.792	1.340.121.571.836

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 21/2022/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2022, Công ty chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo tỷ lệ 20% và tạm ứng cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ 10%.

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.104.917.569	20.035.437.898
Chi phí nhân công	32.974.512.724	30.692.194.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.447.569.575	109.450.494.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.732.975.980	87.932.584.252
Chi phí khác bằng tiền	62.030.181.151	27.925.777.725
	<u>293.290.156.999</u>	<u>276.036.488.147</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	593.089.849	513.435.799
Cổ tức được chia	6.117.165.500	5.834.480.479
	<u>6.710.255.349</u>	<u>6.347.916.278</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	50.187.401.574	45.635.156.375
Chi phí tài chính khác	-	183.004.530
	<u>50.187.401.574</u>	<u>45.818.160.905</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.078.498.380	14.353.382.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.674.979.499	3.150.542.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.710.808.024	2.556.991.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.098.995.762	7.737.709.980
	<u>33.563.281.665</u>	<u>27.798.626.335</u>



0112
ÔN
TNI
EM
LO
ỆT
ĐA

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.610.951.002	10.460.662.985
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	34.225.000	221.573.822
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.645.176.002	10.682.236.807

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	212.056.508.457	209.357.087.609
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.117.165.500	5.834.480.479
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.686.587.220	5.177.216.759
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	211.625.930.177	208.699.823.889
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 10%	593.089.849	513.435.799
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%	211.032.840.328	208.186.388.090
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.610.951.002	10.460.662.985

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	201.411.332.455	198.674.850.802
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	201.411.332.455	198.674.850.802
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	75.000.000	75.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.685	2.649

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn
Ông Trịnh Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay trong năm	260.700.000.000	56.300.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	186.900.000.000	35.300.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	73.800.000.000	21.000.000.000
Trả gốc vay	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	10.000.000.000	-
Cổ tức chi trả	140.544.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	140.544.000.000	-
Chi phí lãi vay	18.666.620.618	236.694.444
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	13.855.743.909	166.694.444
Công ty TNHH Nước sạch REE	4.810.876.709	70.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.637.257.627	19.637.257.627
Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội	19.637.257.627	19.637.257.627
Phải trả người bán ngắn hạn	9.889.863.011	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	7.006.136.986	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	2.883.726.025	-
Chi phí phải trả	-	236.694.444
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	166.694.444
Công ty TNHH Nước sạch REE	-	70.000.000
Vay dài hạn	307.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	212.200.000.000	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	94.800.000.000	-
Vay ngắn hạn	-	56.300.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	35.300.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	-	21.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	-	10.000.000.000
Ông Trịnh Văn Nam	-	10.000.000.000



Số: 153/2023/BC-HĐQT

Hòa Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Trong năm 2022, bên cạnh một số thuận lợi nhất định, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức như (1) Trong năm 2022, tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình xuống thấp, có một số thời điểm cực đoan làm cho mực nước đầu kênh lấy nước không đạt cao độ thiết kế để cấp đủ lượng nước cho Nhà máy sản xuất đạt theo công suất thiết kế của Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn I; (2) Năng lực tiếp nhận tại các điểm đầu nối của các khách hàng mua buôn nước sạch với tuyến ống truyền tải chính của Công ty đoạn từ Nhà máy đến đường Vành Đai 3 đã tiệm cận khả năng truyền tải của hệ thống; Nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị không ngừng phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 của HĐQT như sau:

I. Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2022

Với vai trò là cơ quan quản lý của Công ty, trong nhiệm kỳ các thành viên HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định hướng, chỉ đạo, giám sát... đưa ra những quyết định kịp thời mang tính hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án, hoạt động quản trị của Công ty, kết quả đạt được của năm 2022 với các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ % TH/KHN
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Tổng sản lượng nước	m ³	104.351.517	106.661.044	102%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	Tỷ đ	537,891	548,915	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	175,04	201,41	115%
4	Công tác đầu tư	Tỷ đ	2.300,543	595,237	25,87%

- Sản lượng nước sạch trung bình ngày của năm 2022 là: 292.365 m³/ngđ (đạt 106.661.044 m³), đạt 102% so với kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế của năm 2022

đạt 115% so với kế hoạch cả năm đề ra (201,41 tỷ/ 175,04 tỷ), Lý do: Lợi nhuận năm 2022 tăng so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do: Công ty đã quản lý tốt chi phí sản xuất kinh doanh, duy trì mực nước hồ Đàm Bài ở mức cao, chủ động kiểm soát chất lượng nước đầu vào khi mưa lũ để giảm chi phí hóa chất và điện năng; Một số chi phí sửa chữa bảo dưỡng như: công tác sửa chữa văn phòng, khu nhà nghỉ CBNV, thanh thải bãi bùn đang thực hiện trong năm 2022 tiếp tục thực hiện trong năm 2023. Bên cạnh đó do 20km đường ống đầu tiên của Giai đoạn II chưa đi vào hoạt động trong tháng 11 năm 2022 theo kế hoạch dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí lãi vay giảm so với kế hoạch.

- Công tác đầu tư của công ty chưa đạt so với kế hoạch năm 2022 do: Tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, huy động nguồn lực của các Nhà thầu cung cấp và thi công xây dựng công trình. Hiện tại, tiến độ thực hiện hạng mục công trình Mốc 2 (31/10/2022) đã cơ bản hoàn thành. Dự kiến hoàn thành kế hoạch Mốc 2 là ngày 31/3/2023), trong khi đó Phụ lục Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VCB Tây hồ mới được ký kết trong Tháng 12/2022.

II. HĐQT Công ty đánh giá trong từng mặt hoạt động của Công ty như sau:

1. Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Để thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm, HĐQT Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty:

HĐQT đã chỉ đạo Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chủ yếu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ như sau:

Chỉ tiêu	TH.2021	KH 2022	TH.2022	% TH 2022/TH 2021	% TH/KH 2022
Doanh thu	524.968	537.891	548.915	105%	102%
Giá vốn	248.238	265.205	259.727	105%	98%
Lợi nhuận gộp	276.730	272.686	289.188	105%	106%
% Lợi nhuận gộp/ doanh thu	52,71%	50,70%	52,68%	100%	104%
Lợi nhuận trước thuế	209.357	184.247	212.057	101%	115%
% Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	39,88%	34,25%	38,63%	97%	113%

Với kết quả đạt được như trên, có thể thấy lợi nhuận năm 2022 tăng so với năm 2021 và tăng kế hoạch 2022 là 115%. Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều khó khăn,

thì mức tăng trưởng này là con số đáng ghi nhận cho công tác quản lý tốt chi phí của Ban lãnh đạo Công ty.

Bên cạnh Công tác điều hành chung về các mặt như: Tổ chức, hành chính nhân sự, vận hành sản xuất, quản trị nội bộ, tài chính kế toán, kinh doanh & phát triển thị trường đã được thực hiện, triển khai đầy đủ theo quy định của Pháp luật, quy trình quản lý nội bộ của Công ty, Công ty đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời để đảm bảo công tác cấp nước an toàn, liên tục trước khó khăn về nguồn nước Sông Đà xuống thấp trong năm 2022 vừa qua.

3. Công tác giám sát tài chính

Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty làm tốt công tác thu xếp vốn, cân đối dòng tiền để đảm bảo chi phí mua vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn II và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

4. Công tác đầu tư:

Trong năm 2022, chỉ tiêu đầu tư của Công ty đạt như sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Công tác đầu tư	Tỷ đ	2.300,543	595,237	25,87%

Tình hình triển khai cụ thể một số Dự án chính của Công ty được tóm tắt như sau:

4.1. Dự án đầu tư tuyến ống Giai đoạn II:

Trong năm 2022, Công ty đã tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Hợp đồng EPC-02 và các hợp đồng có liên quan đến hạng mục. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và một số lý do khác, việc triển khai gói EPC-02 bị ảnh hưởng, tiến độ chậm hơn dự kiến. Trong quý IV/2022 đã hoàn thành Mốc 1 của Gói EPC-02 và dự kiến trong Quý I/2023 sẽ hoàn thành thi công toàn bộ tuyến ống của gói thầu EPC -02. Các hạng mục khác của Dự án giai đoạn II sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2023.

4.2. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5):

- Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thông nhất chủ trương về điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 1641/UBND-ĐT ngày 30/5/2022;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 01/2022/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2022. Hiện tại, Công ty đang triển khai các công việc trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được HĐQT phê duyệt.

4.3. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

- Ngày 26/10/2022 UBND thành phố Hà Nội đã có Công văn số 3714/UBND-ĐT chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án phát triển mạng truyền tải cấp II hệ thống cấp nước sông Đà.
- Hiện nay, Công ty đang tiến hành các công việc tiếp theo để thực hiện công tác đầu tư Dự án này theo đúng định hiện hành.

4.4. Dự án tuyển ống dẫn nổi cơ sở 1&2 Công ty Nước sạch Hà Đông:

- Công ty đang tiến hành các thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

5. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.

Công ty luôn tuân thủ đúng, đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt, ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý cổ đông.

Danh sách Người có liên quan và các lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật doanh nghiệp đã được công ty công bố tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2022 số 33/2023/BC-VIWASUPCO ngày 30/1/2023.

6. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2022.

- Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022 là: 2.040.000.000 đồng.
- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 là: 169.589.000 đồng.

7. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2022:

- Trong năm 2022, HĐQT Công ty tổ chức 6 cuộc họp trực tiếp.
- Ban hành tổng số: 40 nghị quyết và 02 quyết định (Theo cả hình thức họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

8. Báo cáo các giao dịch với bên có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐQT năm 2022.

Cụ thể theo bảng dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Hợp đồng/giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	Cổ đông lớn	15/6/2022	Số 1506/2022/HĐV	Hợp đồng Vay vốn: 36,2 tỷ vnd
2	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	Cổ đông lớn	22/8/2022	Số 2208/2022/HĐV	Hợp đồng Vay vốn: 48 tỷ vnd
3	Công ty cổ phần Hạ tầng Gelex	Cổ đông lớn	04/10/2022	Số 2208/2022/HĐV	Hợp đồng Vay vốn: 44 tỷ vnd
4	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn	20/6/2022	Số 01/2022/HĐV	Hợp đồng vay vốn: 20,8 tỷ vnd

5	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn	15/8/2022	Số 02/2022/HĐV	Hợp đồng vay vốn: 27 tỷ vnd
6	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn	10/10/2022	Số 02/2022/HĐV	Hợp đồng vay vốn: 26 tỷ vnd

Các giao dịch trên đã được HĐQT thông qua, phê duyệt và được Công ty công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

III. Đánh giá của HĐQT về Kết quả giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc Công ty trong nhiệm kỳ.

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHCĐ; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, cụ thể:
- + Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- + Trong điều kiện thị trường sản xuất và kinh doanh nước sạch ngày càng bị cạnh tranh do xuất hiện các nhà đầu tư mới, đường ống truyền tải nước sạch giai đoạn 1 đang xuống cấp nghiêm trọng và thường xuyên xảy ra sự cố, mực nước trên Sông Đà xuống thấp..., Ban Giám đốc đã chủ động, tích cực trong việc tìm các phương án phòng ngừa/khắc phục sự cố tuyến ống, phối hợp với Nhà máy thủy điện Sông Đà/ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia (A₀), Tập đoàn điện lực Việt Nam để điều tiết mực nước. Đồng thời, thực hiện công tác thuê bơm, máy phát điện, tủ điện, mua vật tư (dây điện, ống bơm...) tại đầu kênh dẫn nước sông Nhà máy nước sạch Sông Đà và đầu tư trạm bơm khẩn cấp và đã đưa vào vận hành từ đầu năm 2023, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như sản lượng nước sản xuất hàng năm, đảm bảo an toàn cấp nước cho người dân Thành phố Hà Nội, củng cố và mở rộng địa bàn cấp nước của Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty thường xuyên đưa ra những đề xuất kịp thời với HĐQT, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý đầu tư; đồng thời làm tốt công tác quan hệ, hợp tác với cổ đông; Công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

* **Kết luận:** Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư phù hợp với thực tế và yêu cầu của HĐQT Công ty.

IV. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của HĐQT năm 2023

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu chính sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch Năm 2023	Tỷ lệ % KH23/TH21
1	Tổng sản lượng nước	m ³	106.661.044	109.636.785	103%
	Sản lượng trung bình ngày	m ³ /ngày	292.222	300.375	103%
2	Doanh thu HĐSX kinh doanh	tỷ đ	548.915	563.990	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	201.411	54.379	27%

Ghi chú: Do năm 2023, tuyến ống 40km hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, dẫn đến chi phí khấu hao và lãi vay tăng lên, dẫn đến kế hoạch lợi nhuận năm 2023 giảm hơn so với năm 2022.

2. Về công tác đầu tư.

Hội đồng quản trị sẽ quyết liệt chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án/hạng mục, cụ thể với một số nội dung và chỉ tiêu chính như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2023 (10 ⁹)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.234,11
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	612,66
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	5,63
	Cộng (1) + (2) + (3)		1.852,40

HĐQT xin trân trọng báo cáo ĐHCĐ về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 của HĐQT.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Long

Hòa Bình, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công ty”)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Thay mặt Ban kiểm soát (“BKS”), Trưởng BKS xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) kết quả hoạt động của BKS trong năm tài chính 2022 như sau:

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và Báo cáo tài chính năm 2022

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2022

Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2021	TH/KH (%)	TH 2022/TH 2021 (%)
Sản lượng nước sản xuất	Triệu m ³	104,35	106,66	101,86	102,2%	104,7%
Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	537,89	548,91	524,97	102,1%	104,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	175	201,41	198,68	115,1%	101,4%

Năm 2022, sản lượng nước trung bình ngày đêm đạt 292.365 m³/ngày đêm, tổng sản lượng nước sản xuất tương đương 102% kế hoạch năm và tăng 4,6% so với thực hiện 2021 dẫn đến doanh thu tăng tương ứng. Lợi nhuận sau thuế đạt 115,1% so với kế hoạch do một số lý do:

- Một số chi phí sửa chữa bảo dưỡng (gia cố giá đỡ hệ thống Lamén; nạo vét, sửa chữa kênh sông) chưa thực hiện theo kế hoạch;
- 20 km đường ống đầu tiên của Dự án giai đoạn II chưa đi vào hoạt động trong tháng 11/2022 theo kế hoạch dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí lãi vay giảm so với kế hoạch.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2022

BKS đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, BCTC năm 2022 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

BKS tóm tắt tình hình tài chính của Công ty năm 2022 như sau:

2.1. Tài sản nguồn vốn của VCW tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	2022/2021 (%)
A. Tài sản			
1. Tài sản ngắn hạn	424.681.854.377	652.380.650.397	65%
1.1. Tiền và tương đương tiền	38.368.300.601	52.942.478.054	72%
2. Tài sản dài hạn	2.478.202.543.029	1.626.455.694.254	152%
Tổng cộng tài sản	2.902.884.397.406	2.278.836.344.651	127%
B. Nguồn vốn			
1. Nợ phải trả	1.562.762825.570	915.126.105.270	171%
1.1. Nợ ngắn hạn	473.121.634.668	272.833.281.221	173%
<i>Trong đó, Vay ngắn hạn</i>	<i>88.728.281.007</i>	<i>125.218.547.753</i>	<i>71%</i>
1.2. Nợ dài hạn	1.089.641.190.902	642.292.824.049	170%
2. Vốn chủ sở hữu	1.340.121.571.836	1.363.710.239.381	98%
<i>Trong đó, Vốn điều lệ</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>100%</i>
Tổng cộng nguồn vốn	2.902.884.397.406	2.278.836.344.651	127%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022 như sau :

Nội dung	2022	2021
Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
- Chỉ số thanh toán hiện hành (lần)	0,89	2,39
- Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	0,85	2,20
Nhóm chỉ tiêu hoạt động		
- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (lần)	4,6	4,68
- Số ngày thu tiền bình quân (ngày)	79	78
Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	41%	34%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,88	0,56
- Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	85%	71%
Nhóm chỉ tiêu lợi nhuận		
- Biên lợi nhuận ròng (%)	36,7%	37,8%
- ROE	14,9%	15,7%
- ROA	7,8%	11,9%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.685	2.649

Khả năng thanh toán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 0,89 lần, giảm mạnh so với thời điểm 31/12/2021 do tài sản ngắn hạn sụt giảm và nợ ngắn hạn gia tăng. Nguyên

nhân đến từ việc thúc đẩy tiến độ gói thầu EPC 02 của Dự án giai đoạn II và thực hiện cải tạo trạm bơm sông, trạm bơm hồ, ... dẫn tới số dư trả trước cho nhà cung cấp (ứng trước cho các nhà thầu) sụt giảm mạnh, trong khi số Phải trả nhà cung cấp tăng.

Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 0,88 lần, có sự gia tăng so với thời điểm 31/12/2021 (0,56 lần) do nợ phải trả tăng lên. Công ty huy động nguồn vốn vay để tiếp tục triển khai một loạt các hợp đồng xây dựng của các gói thầu thuộc Dự án giai đoạn II, Dự án tuyến ống cấp 2.

Về hiệu quả hoạt động và lợi nhuận: cơ bản tương đương hiệu quả cũng như tỉ suất lợi nhuận năm 2021.

II. Đánh giá tiến độ triển khai các Dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn 2 (“Dự án giai đoạn II”):

TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện
1	Thủ tục pháp lý dự án	Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án giai đoạn II đã hoàn thành và được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022.
2	Hạng mục tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) (EPC-02)	- Bổ sung phụ lục hợp đồng gia hạn tiến độ hoàn thành và một số điều khoản; - Bổ sung thêm nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ; - Tới hết 31/12/2022 đã hoàn thành cấp ống và phụ kiện tương đương 36,7 km; hoàn thành thi công 29,2 km.
3	Hoàn thành công tác thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hạng mục Trạm bơm dâng đầu kênh	Đã hoàn thành thi công xây dựng và hoàn thành lắp đặt thiết bị, đang tiến hành công tác nghiệm thu thanh quyết toán.
4	Các hạng mục còn lại	- Hạng mục tuyến ống nước thoi ven hồ Đầm Bãi: Tạm dừng triển khai do đang nghiên cứu thiết kế cơ sở phương án sử dụng tuyến ống kín và hầm dẫn nước cho Dự án giai đoạn II. - Hạng mục Khu xử lý bùn: đã trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu liên quan và đang triển khai theo kế hoạch.

2. Các dự án Đường ống cấp II

2.1. Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được HĐQT Công ty phê duyệt;
- Trong năm 2022 đã phát hành hồ sơ mời thầu cho gói thầu chính: Thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, xây lắp, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

2.2. Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh

- UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án;
- Trong năm 2022, Ban QLDA đã ký kết các hợp đồng liên quan đến Báo cáo khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Đánh giá của BKS

Tiến độ gói thầu EPC-02 cơ bản đạt kế hoạch điều chỉnh sau khi Công ty và Ban QLDA tập trung bổ sung nhà thầu phụ, đốc thúc tiến độ. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân trong năm 2022 không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và một số lý do khác, việc triển khai gói EPC-02 bị ảnh hưởng, tiến độ chậm hơn dự kiến. Trong quý IV/2022 đã hoàn thành Mốc 1 của Gói EPC-02 và dự kiến trong Quý I/2023 sẽ hoàn thành thi công toàn bộ tuyến ống của gói thầu EPC -02. Các hạng mục khác của Dự án giai đoạn II sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2023.

Công tác triển khai dự án tuyến ống cấp 2 đường vành đai 3.5 và tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh đang chậm so với tiến độ dự kiến.

III. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2022

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 của ĐHĐCĐ đã giao cho HĐQT và Ban điều hành Công ty một số nhiệm vụ sau:

TT	Nhiệm vụ ĐHCĐ giao năm 2022	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1	Phê duyệt KHKD 2022 với các chỉ tiêu chính sau: - Sản lượng: 104,35 triệu m ³ . - Doanh thu: 537,89 tỷ đồng. - LNST: 175 tỷ đồng.	Kết quả SXKD đã đạt được các chỉ tiêu sau: - Sản lượng: 106,66 triệu m ³ . - Doanh thu: 548,91 tỷ đồng. - LNST: 201,41 tỷ đồng.	Hoàn thành
2	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, là 1 trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ lựa chọn, là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty.	Hoàn thành
3	Chi trả thù lao HĐQT và BKS	Đã thực hiện chi trả thù lao năm 2022 cho các TV HĐQT và BKS theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt	Hoàn thành
4	Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế để thực hiện chi trả/tạm ứng cổ tức	Năm 2022, Công ty thực hiện chi trả cổ tức lấy từ nguồn lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ chi trả 15%.	Hoàn thành

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 5 buổi họp, ban hành 41 Nghị quyết, 03 Quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành Công ty. Theo đánh giá của BKS, HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo, điều hành để phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ của cổ đông giao.

IV. Kết quả hoạt động của BKS

1. Thông tin về các thành viên BKS

STT	Thành viên (“TV”) BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Việt Trung	Trưởng BKS	19/4/2022		2/2	100%	
2	Nguyễn Việt Hà	Trưởng BKS	27/4/2021	19/4/2022	0/2	0%	Không còn là thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	
4	Lê Huy	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	

2. Hoạt động BKS năm 2022

Trong năm 2022, BKS Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, quy định nội bộ cũng như tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.
- Giám sát việc chỉnh sửa, ban hành các văn bản nội bộ của Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành cũng như thực tiễn hoạt động.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của Công ty và Ban Quản lý dự án (QLDA).
- Giám sát tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra, cơ quan chức năng.
- Xem xét, thẩm định tính hợp lý của các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các công ty đại chúng.

3. Các cuộc họp của BKS trong năm 2022

Trong năm 2022, BKS đã tiến hành họp 02 phiên. Nội dung cụ thể của từng phiên họp như sau:

Phiên họp	TV BKS dự họp	Nội dung
Phiên 01 Ngày 19/04/2022	3/3	- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022. - Bầu trưởng BKS và phân công công việc giữa các thành viên trong BKS. - Đề xuất phương án phối hợp, tiếp nhận thông tin/báo cáo giữa BKS và HĐQT/Ban điều hành.

<p>Phiên 02 Ngày 20/09/2021</p>	<p>3/3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả hoạt động SXKD, việc thực hiện các NQ ĐHĐCĐ và HĐQT tới 30/6/2022. - Thẩm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2022. - Đánh giá công tác đầu tư và triển khai Dự án Giai đoạn 2 tới 30/6/2022. - Rà soát việc thực hiện công tác quản trị nội bộ, việc thực hiện các hợp đồng, ...
--	------------	--

Trong năm 2022, BKS tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, nâng cao hiệu quả giám sát kịp thời của BKS.

4. Thù lao, chi phí của BKS năm 2022

- Thù lao BKS: Công ty đã thực hiện chi trả thù lao BKS theo đúng kế hoạch thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt (*chi tiết xem trong Tờ trình về chi trả thù lao cho HĐQT/BKS năm 2022 của HĐQT*).

- Chi phí BKS: BKS không phải sử dụng bất kì dịch vụ thuê ngoài cũng như làm phát sinh bất cứ chi phí nào khác.

V. Kết quả giám sát của BKS

1. Về giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2022, Công ty đã phát sinh các giao dịch sau với bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Vay vốn
2	Công ty TNHH Nước sạch REE	Vay vốn

Các hợp đồng này đều đã được Ban điều hành Công ty rà soát và trình HĐQT thông qua trước khi ký kết, tuân thủ theo đúng quy định về thông qua giao dịch với các bên liên quan tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của BKS với HĐQT/Ban điều hành

- BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty, theo đó:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ cũng như kịp thời lấy ý kiến các nội dung theo thẩm quyền bằng văn bản để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác sản xuất, đầu tư kịp thời, phù hợp thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo theo đúng quy định, nội dung các cuộc họp được ghi chép đầy đủ, phản ánh đúng diễn biến cuộc họp và được lưu trữ tại Công ty.
- Các vấn đề HĐQT thông qua trong các cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành. Qua rà soát của BKS, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng chưa niêm yết.

- Về việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT: tới thời điểm 31/12/2022, Ban điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc và cơ bản hoàn thành các nội dung nghị quyết/quyết định của HĐQT.
- Về việc giám sát tuân thủ: trong năm 2022, BKS chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. BKS không nhận được bất kì khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/Ban điều hành

- BKS luôn nhận được thường xuyên và đầy đủ thông tin về các cuộc họp HĐQT, các tài liệu trong các lần lấy ý kiến bằng văn bản, tình hình thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/Ban điều hành Công ty để triển khai các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.
- HĐQT/Ban điều hành Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện để BKS thực hiện các công việc/nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cử cán bộ làm việc khi có yêu cầu.

4. Kiến nghị của BKS

Thông qua công tác giám sát định kỳ thực hiện, BKS xin kiến nghị một số nội dung để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như sau:

- Thúc đẩy tiến độ Dự án giai đoạn II để đảm bảo dự án hoàn thành theo đúng tiến độ điều chỉnh. Cụ thể:
 - Hoàn thành công tác thi công lắp đặt tuyến ống và công tác nghiệm thu, quyết toán trong năm 2023 để làm cơ sở tính giá nước;
 - Đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch một số hạng mục quan trọng trong năm 2023 Gói thầu EPC 02, Khu xử lý bùn, các hạng mục công trình nguồn.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các Dự án tuyến ống cấp 2 đường vành đai 3.5, tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh nhằm đảm bảo cho công tác phát triển thị trường trong tương lai.
- Tiếp tục công tác chuẩn bị nội bộ và duy trì làm việc với các cơ quan chức năng đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ về công tác giá nước theo kế hoạch đã đề ra.
- Rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác quản trị.

VI. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong năm 2023.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Xem xét, giám sát việc ban hành các văn bản/quy định nội bộ do HĐQT và Ban điều hành trong năm 2023, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật cũng như phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.
- Định kỳ rà soát, đánh giá các chỉ tiêu tài chính để cảnh báo các rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc xem xét các báo cáo đánh giá và giám sát việc thực thi các vấn đề được đơn vị kiểm toán đưa ra trong thuyết minh và thư khuyến nghị kiểm toán (nếu có).
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đầu tư, mua sắm của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Giám sát công tác đầu tư xây dựng Dự án giai đoạn II, các dự án tuyển ông cấp 2 và các dự án đầu tư xây dựng cơ bản khác theo kế hoạch Công ty đã đề ra trong năm 2023.
- Thực hiện rà soát, thẩm tra các nội dung theo kiến nghị của cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công rực rỡ.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Nguyễn Việt Trung

Số: 154/2023/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông
cho Hội đồng quản trị”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) đã được Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua ngày 27/4/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 19/4/2022;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty đã được **ĐHĐCĐ** thông qua ngày 27/4/2021;

Căn cứ các Nghị quyết **ĐHĐCĐ** và **HĐQT** có liên quan;

HĐQT xin được báo cáo **ĐHĐCĐ** thường niên năm 2023 một số nội dung được **ĐHĐCĐ** ủy quyền đã thực hiện trong năm 2022 và đang tiếp tục triển khai như sau:

I. Các nội dung ủy quyền liên quan đến đầu tư Dự án giai đoạn II.

Thực hiện Nghị quyết số 01/2018/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 01/02/2018, Nghị quyết số 01/2020/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 29/04/2020, Nghị quyết số 01/2021/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 27/4/2021 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-**ĐHĐCĐ** ngày 19/4/2022 của **ĐHĐCĐ** Công ty về việc ủy quyền cho **HĐQT** Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm **ĐHĐCĐ** được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II điều chỉnh cũng như ủy quyền cho **HĐQT** thực hiện một số các nội dung khác liên quan đến Dự án giai đoạn II.

HĐQT đã thực hiện một số công việc và ban hành các Nghị quyết và Quyết định có liên quan tới các nội dung được ủy quyền như sau:

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-**HĐQT** ngày 16/3/2022 về việc thông qua báo cáo thực hiện công tác đầu tư năm 2021 và kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2022 của Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà - Ban quản lý dự án Nước sạch Sông Đà (“**BQLDA**”); Nghị quyết số 22/2022/NQ-**HĐQT** ngày 31/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư của **BQLDA**;
- Nghị quyết số 32/2022/NQ-**HĐQT** ngày 17/12/2022 về việc Phê duyệt Hợp đồng sửa đổi bổ sung của hợp đồng tín dụng số 01/2018/HDTD/VIWASUPCO-VCB ký ngày 15/11/2018 giữa Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Hồ lần 05;
- Nghị quyết số 33/2022/NQ-**HĐQT** ngày 17/12/2022 về việc thông qua việc sửa đổi và ký Phụ lục Hợp đồng cầm cố số cổ phiếu số 20/TAH/8106002/HĐCC/01 đã ký ngày 29/9/2020 giữa Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà và ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Hồ;
- Nghị quyết số 28/2022/NQ-**HĐQT** ngày 13/8/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng EPC02 số 02/2021/VIWASUPCO-VIWASEEN-HAPUMA/SCDI;

HĐQT Công ty kính báo cáo ĐHĐCĐ được biết về các công việc đã và đang triển khai thực hiện liên quan đến Dự án giai đoạn II trong thời gian vừa qua, đồng thời kiến nghị ĐHĐCĐ tiếp tục ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ĐHĐCĐ được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II phù hợp với quy định hiện Pháp luật hiện hành. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

II. Các nội dung ủy quyền khác

Căn cứ vào các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ủy quyền cho HĐQT Công ty tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2021, HĐQT xin được báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung ủy quyền khác tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ trong năm 2022 như sau:

1. Về việc căn cứ vào tình hình diễn biến dịch Covid 19 để điều chỉnh chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

HĐQT, Ban Giám đốc luôn bám sát tình hình diễn biến của dịch Covid 19 và nhu cầu tiêu thụ nước cũng như điều chỉnh biện pháp phòng chống dịch dựa trên diễn biến dịch Covid 19 tại Hòa Bình và Hà Nội để đảm bảo công tác cấp nước được đảm bảo liên tục. Do vậy HĐQT và ban điều hành vẫn giữ nguyên kế hoạch Sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và trong năm 2022 công ty đã đạt được: doanh thu 102% và Lợi nhuận sau thuế đạt 115 % so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

2. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

- Ngày 17/6/2022, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Cụ thể, đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

3. Về việc chi trả/tạm ứng cổ tức năm 2022.

- Thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền vào Tháng 9 năm 2022: là 10%, tương đương 75 tỷ đ.

4. Về việc ký ban hành Điều lệ Công ty.

- Ngày 19/4/2022, Tổng Giám đốc đã ký ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

Trên đây là một số nội dung ĐHĐCĐ đã giao/ủy quyền được HĐQT thực hiện trong năm 2022. Kính báo cáo ĐHĐCĐ được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC 1

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023)

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
Điều 1.1 (a)	“Ban Giám đốc”: Có nghĩa là gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.	“ <u>Ban Giám đốc</u> ”: là người điều hành Công ty, bao gồm <u>Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và Giám đốc tài chính.</u>
Điều 1.1 (b)	“Người điều hành doanh nghiệp” có nghĩa là các chức danh quản lý được Hội đồng quản trị bổ nhiệm vào từng thời điểm.	Bỏ quy định bên
Điều 1.1 (i)	“Ngày Làm Việc” có nghĩa là ngày làm việc theo qui định của pháp luật lao động Việt Nam.	“ <u>Ngày Làm Việc</u> ” là các ngày trong tuần từ thứ hai đến hết thứ sáu và không bao gồm các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật.
Điều 1.1 (m)	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020	“ <u>Luật Chứng khoán</u> ” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ
Điều 1.1		Bỏ quy định: “ <u>Người Quản lý</u> ” bao gồm <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Công ty.</u>
Điều 12.4	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Khoản 5 Điều 115 và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Khoản 5 Điều 115 <u>Luật Doanh nghiệp</u> và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
Điều 14.1	Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty quyết định gia hạn <u>họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</u> , nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Điều 14.4 (a)	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông: (i) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông: (i) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản

	đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3(b) Điều 14 của Điều lệ này; (ii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 của Điều lệ này.	trị còn lại như quy định tại Khoản 3(b) Điều 14 của Điều lệ này; (ii) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3 (c)</u> , Khoản 3 (d) Điều 14 của Điều lệ này.
<i>Điều 15.1</i> <i>(f)</i>	Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: (f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: (f) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; <u>Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u>
<i>Điều 15.1</i> <i>(j), (l), (m)</i>	(j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;	(j) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị; <u>Kiểm soát viên</u> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; <u>Ban Kiểm soát</u> ; m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; <u>Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát</u> ;
<i>Điều 16.2</i>	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự <u>trong trường hợp Công ty không ban hành mẫu và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nơi đứng ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền</u> và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
<i>Điều 18.2</i>		Bổ sung: <i>(g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</i>
<i>Điều 18.3</i> <i>(b)</i>	Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;	Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp

	<p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban Kiểm soát</u>;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. <u>Mẫu văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có)</u>;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>
Điều 18.5	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 0 của Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến <u>Khoản 4</u> của Điều này chỉ trong các trường hợp sau (chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do):</p>
Điều 20.4	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; <u>trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p>
Điều 20.9	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p><u>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</u></p> <p>a. <u>Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>

<p><i>Điều 20.10</i></p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>(a) Bỏ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>(c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>(d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p><u>Chủ toạ đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</u></p> <p><u>a. Bỏ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</u></p> <p><u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</u> <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>
<p><i>Điều 22.9</i></p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, ngoại trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, ngoại trừ các nội dung quy định tại các <u>Điểm a, b, c, d, e và g</u> Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>
<p><i>Điều 24.2</i></p>	<p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi <u>quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực</u>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>
<p><i>Điều 26.2</i> <i>(f)</i></p>	<p>Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty, người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công</p>	<p>Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, <u>Giám đốc Tài chính, Giám đốc Ban nghiên cứu/ Giám đốc chuyên môn (hoặc chức danh/ vị trí tương đương)</u>, người phụ</p>

	<p>ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>
<p><i>Điều 26.2</i> <i>(m)</i></p>	<p>Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: (m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: (m) <u>Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ;</u></p>
<p><i>Điều 26.3</i> <i>(a, b, c)</i></p>	<p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: (a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; (b) Thành lập các công ty con của Công ty; (c) Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty;</p>	<p>Bỏ các quy định bên</p>
<p><i>Điều 26.3</i> <i>(i), (j)</i></p>	<p>(i) Các khoản chi tiêu của Công Ty nằm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt; (j) Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Bỏ các quy định bên</p>

<p><i>Điều 26.5</i></p>	<p>Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Để đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong quá trình ra quyết định, điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT có thể giao/phân quyền/ủy quyền cho Tổng giám đốc và/hoặc Người Quản Lý khác và/hoặc cá nhân quản lý khác thực hiện một số nhiệm vụ/nghĩa vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cá nhân được HĐQT giao/phân quyền/ủy quyền chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>Việc phân quyền này được quy định cụ thể tại văn bản/bản/hệ thống/ngறி quyết/quyết định phân quyền của HĐQT và có thể được HĐQT điều chỉnh vào từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế của Công ty.</p>
<p><i>Điều 27.2</i></p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do nào đó theo quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p><i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i></p>
<p><i>Điều 28.2</i></p>	<p>Các cuộc họp HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lập chương trình nghị sự và triệu tập các cuộc họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý HĐQT phải họp</p>	<p><i>Các cuộc họp HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị lập chương trình nghị sự và triệu tập các cuộc họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý HĐQT phải họp một lần.</i></p>

	<p>một lần. Cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT được tổ chức vào một Ngày Làm Việc trong tháng của mỗi quý. Chủ tịch gửi tài liệu và thông báo thời gian, địa điểm họp đến các Thành viên HĐQT ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.</p>	
<p><i>Điều 28.8</i></p>	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.</p> <p>Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại.</p> <p>Cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.</p>	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <u>đủ</u> họp.</p> <p>Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị <u>đủ</u> họp.</p>
<p><i>Điều 28.9</i> <i>(d)</i></p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một họp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 34 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong họp đồng đó.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một họp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b <u>Khoản 7 Điều 39</u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong họp đồng đó.</p>
<p><i>Điều 28.14</i></p>	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng nước ngoài.</p>	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập <u>thêm</u> bằng tiếng nước ngoài.</p>
<p><i>Điều 30</i></p>	<p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm biên bản các cuộc họp; - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; 	<p><u>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị ghi chép các biên bản họp.</u> - <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.</u>

	<p>- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;</p>	<p>- <u>Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p>
<p><i>Điều 31</i></p>	<p>Công ty thành lập Ban Giám đốc mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc sẽ bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và Người điều hành khác được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>
<p><i>Điều 39.7</i> <i>(b)</i></p>	<p>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.</p>	<p>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm a khoản này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.</p>
<p><i>Điều 39.7</i> <i>(c)</i></p>	<p>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</p> <p>i. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b Khoản này;</p> <p>ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</p> <p>i. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b Khoản này <u>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch có liên quan phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có liên quan tới giao dịch đó có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính</p>

	<p>số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục i và ii của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.</p>	<p>gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại mục i và ii của điểm c nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.</p>
<p><i>Điều 41.1</i></p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.</p>	<p><u>Cổ đông phổ thông</u> có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, các biên bản và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty.</p>
<p><i>Điều 43.2</i></p>	<p>Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p>	<p><u>Công ty</u> có thể quyết định <u>tạm ứng</u> cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với <u>khả năng tài chính</u> của Công ty và quy định pháp luật.</p>
<p><i>Điều 47</i></p>	<p>Điều 47. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</p>	<p>Điều 47. Năm tài <u>chính</u></p> <p>Năm tài <u>chính</u> của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <u>lần đầu</u> và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm <u>được</u> cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <u>lần đầu</u>.</p>
		<p>Sửa các lỗi về chính tả và hình thức văn bản.</p>



PHỤ LỤC 2

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023)

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
Điều 2.1	<p>Ngoại trừ những vấn đề phải được HĐQT thông qua với tỷ lệ tối thiểu 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc lấy kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 10 Điều 14 Quy chế này, HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số (được sự tán thành của trên ½ (một phần hai)) số thành viên HĐQT dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số (được sự tán thành của trên ½ (một phần hai)) số thành viên HĐQT dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>
Điều 3	<p>“Ban Giám đốc” có nghĩa là gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng;</p> <p>“Người điều hành doanh nghiệp” có nghĩa là các chức danh quản lý được HĐQT bổ nhiệm vào từng thời điểm;</p> <p>“Kế Hoạch Kinh Doanh 5 Năm” là kế hoạch kinh doanh bao gồm cả ngân sách tài chính của Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược đầu tư, tài chính của Công ty cho từng giai đoạn 5 năm;</p> <p>“Kế Hoạch Sản xuất Kinh Doanh Hàng Năm” là kế hoạch kinh doanh bao gồm cả ngân sách tài chính của Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược đầu tư, tài chính của Công ty cho năm tiếp theo;</p> <p>“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội khóa XI nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.</p>	<p>Bổ quy định bên</p> <p>Bổ sung quy định:</p> <p><u>Các thuật ngữ viết hoa khác được sử dụng trong Quy Chế nhưng không được định nghĩa tại Điều này sẽ có nghĩa như được nêu tại Điều lệ.</u></p>
	<p>“Điều Lệ”, “Điều Lệ Công Ty” có nghĩa là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua trong từng thời kỳ;</p>	<p>“Điều Lệ”, “Điều Lệ Công Ty” có nghĩa là Điều lệ của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua trong từng thời kỳ;</p>

Điều 12		<p>Bổ sung quy định:</p> <p><i>Để đảm bảo sự linh hoạt, kịp thời trong quá trình ra quyết định, điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT có thể giao/phân quyền/từ quyền cho TGD và/hoặc Người Quản Lý thực hiện một số nhiệm vụ/nghĩa vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc phân quyền này được quy định cụ thể tại văn bản/bản/hệ thống/nghi quyết/quyết định phân quyền của HĐQT và có thể được HĐQT điều chỉnh vào từng thời điểm, phù hợp với quy định pháp luật. Điều Lệ và tình hình thực tế của Công ty.</i></p>
Điều 12.2 (e)	<p>(e) Quyết định mức lương và các chế độ của Tổng Giám đốc; ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định lương, chế độ của các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>(e) <i>Quyết định mức lương và các chế độ của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</i></p>
Điều 12.4	<p>HĐQT có các quyền và nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Chương này, cụ thể:</p> <p>4. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính</p> <p>(a) Quyết định việc tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị góp vốn trên 5% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% của TTS tại thời điểm ra quyết định;</p> <p>(b) Quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng quyền mua cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp thành lập ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài có giá trị trên 5% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.</p>	<p>HĐQT có các quyền và nghĩa vụ cụ thể được nêu tại Chương này, cụ thể:</p> <p>4. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính</p> <p>(a) Quyết định việc tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định;</p> <p>(b) Quyết định việc mua, bán, chuyển nhượng quyền mua cổ phần của Công ty tại các doanh nghiệp thành lập ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài có giá trị dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định.</p>
Điều 12.7		<p>Bổ sung quy định:</p> <p><i>Quyết định mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị nhỏ hơn</i></p>

	<p><i>35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ;</i></p>	
<p><i>Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 10</i></p>	<p>Bỏ các quy định bên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định ký kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ và chấm dứt các hợp đồng lớn của Công ty như: các hợp đồng sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ tại thời điểm ra quyết định trên 2. Quyết định giao dịch bán, thanh lý tài sản Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định. 3. Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ có giá trị trên 5% vốn điều lệ của Công ty. 4. Quyết định việc vay vốn của Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty và dưới 35% TTS tại thời điểm ra quyết định. 5. Quyết định việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường của Công ty có giá trị trên 10% giá trị vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ra quyết định trên cơ sở Tờ trình của Tổng Giám đốc. 	
<p><i>Điều 14.10</i></p>	<p>Bỏ các quy định bên</p>	<p>10. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT thông qua với tỷ lệ tối thiểu là 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc được xin ý kiến bằng văn bản:</p> <p>(a) Các khoản chi tiêu của Công Ty nằm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được ĐHCĐ đã phê duyệt;</p> <p>(b) Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% TTS;</p>

	(c) Các vấn đề sản xuất, kinh doanh, đầu tư hoặc giao dịch trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình mà HĐQT nhận thấy cần có sự đồng thuận thông qua với tỷ lệ tối thiểu là 75% tổng số thành viên tham dự họp hoặc được xin ý kiến bằng văn bản:	
<i>Điều 15.1</i>	HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần vào một ngày làm việc trong tháng đầu tiên của mỗi quý. Thành phần tham dự họp bao gồm: Chủ tịch, các Thành viên HĐQT và các thành phần khác do Chủ tịch quyết định mời.	<i>HDQT họp ít nhất mỗi quý một lần.</i> Thành phần tham dự họp bao gồm: Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT và các thành phần khác.
<i>Điều 15.2</i>	Trước các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch yêu cầu Tổng Giám đốc, Giám đốc ban quản lý dự án chuẩn bị báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư trong Quý và các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.	Trước các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch HĐQT <u>có quyền</u> yêu cầu Tổng Giám đốc, Giám đốc ban quản lý dự án chuẩn bị báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư trong Quý và các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
<i>Điều 17</i>	1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. ... 3. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT <u>dự họp</u> 3. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT <u>dự họp</u> .
<i>Điều 19.1</i>	Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, thì biên bản phải được tất cả các thành viên của HĐQT dự họp ký.	Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, thì biên bản phải được tất cả các thành viên của HĐQT <u>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định.</u> <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.</u> <u>Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</u> <u>Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiết hai xây ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.</u> <u>Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u>

<p>Điều 20: HĐQT quyết định <u>bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u></p> <p>1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. <u>Phiếu lấy ý kiến được gửi kèm các tài liệu có liên quan. Phiếu lấy ý kiến do Chủ Tịch ký hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký.</u></p>	<p>Điều 20: HĐQT quyết định bằng phiếu biểu quyết</p> <p>1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu biểu quyết được gửi kèm theo Tờ trình của Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban quản lý dự án (nếu có) và các tài liệu có liên quan tới nội dung biểu quyết. Văn bản gửi phiếu xin ý kiến, phiếu biểu quyết do Chủ tịch ký hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký.</p>	<p>Điều 20.1</p>
<p><u>Chủ tịch HĐQT gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết (nếu có) đến tất cả thành viên HĐQT chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến hoặc thời hạn khác ghi tại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết.</u></p> <p><u>Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo có thể được gửi cho các thành viên HĐQT bằng các phương thức sau: (i) giao trực tiếp hoặc (ii) gửi thư hoặc (iii) gửi qua thư điện tử (email) hoặc (iv) fax.</u></p> <p><u>Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức giao trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận phiếu ý kiến của Công ty, gửi thư, fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến được gửi về sau thời hạn quy định được coi là không hợp lệ.</u></p>	<p>Lấy ý kiến trong trường hợp thông thường: Trong thời hạn tối đa là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản gửi Phiếu biểu quyết và đầy đủ tài liệu liên quan kèm theo, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu, quyết định nội dung biểu quyết và gửi Phiếu biểu quyết về Công ty. Việc gửi Văn bản gửi Phiếu biểu quyết cùng các tài liệu và Phiếu biểu quyết có thể được thực hiện dưới các hình thức:</p> <p>(a) Thư tín: gửi chuyên phát nhanh; (b) Fax: Phiếu biểu quyết gửi qua fax có giá trị tương đương bản ký gốc; (c) Email: Trường hợp biểu quyết qua email thì người biểu quyết phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email chính thức của Công ty hoặc địa chỉ email đã đăng ký của Công ty.</p>	<p>Điều 20.2</p>
<p>Bỏ</p>	<p>Trong trường hợp khẩn cấp hoặc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ tịch quyết định việc lấy ý kiến nhanh các Thành viên HĐQT (tính chất của việc lấy ý kiến biểu quyết sẽ được ghi trên phiếu). Trong thời hạn tối đa là 24 giờ kể từ thời điểm gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết, tài liệu kèm theo, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét và quyết định nội dung biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>(a) Văn bản; (b) Fax;</p>	<p>Điều 20.3</p>

	(c) Email; (d) Gọi điện thoại hoặc nhắn tin qua điện thoại tới số máy của Thư ký Công ty.	
		Sửa lỗi chính tả và hình thức văn bản.

PHỤ LỤC 3

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(*Đính kèm Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023*)

CHƯƠNG, ĐIỀU	NỘI DUNG HIỆN TẠI	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
Điều 4.1 (a)	Ban giám đốc: Bao gồm TGD và các Phó TGD, Kế toán trưởng	Bổ quy định bên
Điều 4.1 (b)	Ban Điều hành: Bao gồm Ban giám đốc và các Giám đốc ban nghiệp vụ	Bổ quy định bên
Điều 4.1 (d)	Người điều hành doanh nghiệp: là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do HĐQT bổ nhiệm	Bổ quy định bên
Điều 5.8	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: 8. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: 8. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; <u>Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u>
Khoản 12, Khoản 14 Điều 5	12. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; 14. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT;	12. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, <u>Kiểm soát viên</u> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; 14. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, <u>BKS</u> ;
Điều 10.1	Trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Viwasupco/SDW (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của SDW) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.	Trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Viwasupco/SDW (<u>theo quy định tại Điều lệ Công ty</u>) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.

<p>Điều 11.2</p>	<p>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp DHD/CD phải lập thành văn bản theo mẫu của Yivasupco/SDW được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc mẫu phù hợp theo quy định của pháp luật Dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<p>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty <u>hoặc phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự trong trường hợp Công ty không ban hành mẫu</u> và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, <u>nơi dùng ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền</u> và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>
<p>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14</p>	<p>1. Nghị quyết của DHD/CD về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty;</p> <p>g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Nghị quyết của DHD/CD về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (kể cả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ);</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Tổ chức lại (bao gồm cả việc sáp nhập hoặc hợp nhất), giải thể Công ty;</p> <p>g. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</u></p>

		<p><u>tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>
<p>Điều 18.2 (i)</p>	<p>Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận ngoại trừ các nội dung quy định tại điều 21.1 của Điều lệ Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận ngoại trừ các nội dung quy định tại điều 21.1 của Điều lệ Công ty (<u>không bao gồm Điểm f Điều 21.1</u>) phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số biểu quyết chấp thuận.</p>
<p>Điều 21.2 (i)</p>	<p> HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch HĐQT; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó TGD, Kế toán trưởng công ty, người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của TGD Công ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, <u>Giám đốc Tài chính, Giám đốc Ban nghiệp vụ/ Giám đốc chuyên môn (hoặc chức danh/ vị trí tương đương)</u>, người phụ trách các đơn vị trực thuộc trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>
<p>Điều 21.2 (m)</p>	<p>HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(m) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này;</p>	<p>Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>(m) <u>Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua hợp đồng vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, xây dựng và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công</u></p>

		<i>Trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ.</i>
<i>Điểm a, b, c Khoản 3 Điều 21</i>	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:</p> <p>(a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>(b) Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>(c) Trong phạm vi quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty;</p>	Bỏ các quy định bên
<i>Điều 21.3 (i), (j)</i>	<p>(i) Các khoản chi tiêu của Công Ty năm ngoài hoặc vượt quá 10% giá trị của từng hạng mục theo Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm đã được Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt;</p> <p>(j) Các khoản đầu tư không nằm trong Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm và vượt quá 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	Bỏ các quy định bên
<i>Điều 25.2</i>	Người ứng cử thành viên HĐQT phải thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.	Người ứng cử thành viên HĐQT phải thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại <u>Điều 24</u> của Quy chế này.
<i>Điều 32.7</i>	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.</p> <p>Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp</p>	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <u>đủ</u> họp.</p> <p>Nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và, Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để</p>

	<p>được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền.</p>	<p>tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 4 Ngày Làm Việc trước khi diễn ra cuộc họp được tổ chức lại. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>
<p><i>Điều 32.9</i></p>	<p>Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên HĐQT) phải được gửi cho bộ phận thư ký HĐQT chậm nhất sau ba (03) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên HĐQT phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/ không đồng ý/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Thư ký HĐQT. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p><i>HHQT có thể thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành.</i> Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>
<p><i>Điều 32.11 (d)</i></p>	<p>Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 5 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>	<p>Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b <i>khoản 7 Điều 39</i> Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>
<p><i>Điều 32.14</i></p>	<p>Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>(i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập <i>thêm</i> bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>(i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT <i>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</i> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14 Điều này thì biên bản này</p>



		<p>có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HDQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiết hai xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u></p>
<p><i>Điều 39.2</i></p>	<p>Khi có yêu cầu của thành viên HDQT, TGD phải triệu tập họp Ban TGD/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban TGD/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành hoặc quy định nội bộ của Công ty. Quyết định của Ban TGD/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên HDQT để báo cáo.</p>	<p>Khi có yêu cầu của thành viên HDQT, TGD phải triệu tập họp <u>Ban Giám đốc</u>. Trình tự thủ tục triệu tập họp <u>Ban Giám đốc</u>, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của <u>Ban Giám đốc</u> hoặc quy định nội bộ của Công ty. Quyết định của <u>Ban Giám đốc</u> được gửi tới các thành viên HDQT để báo cáo.</p>
<p><i>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 42</i></p>	<p>1. Các thành viên HDQT và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.</p> <p>2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HDQT và TGD có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Tổng Công ty) cho Chủ tịch HDQT hoặc TGD hoặc cả hai người để được giải quyết hiệu quả.</p>	<p>1. Các thành viên HDQT và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ <u>Công ty</u>, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.</p> <p>2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HDQT và TGD có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với <u>Công ty</u>) cho Chủ tịch HDQT hoặc TGD hoặc cả hai người để được giải quyết hiệu quả.</p>
<p><i>Điều 43.1</i></p>	<p>Hàng năm, HDQT, Ban giám đốc/Điều hành trình báo cáo hoạt động tại DHDGD thường niên để DHDGD xem xét thông qua.</p>	<p>Hàng năm, HDQT, <u>Ban Giám đốc</u> trình báo cáo hoạt động tại DHDGD thường niên để DHDGD xem xét thông qua.</p>
		<p>Sửa các lỗi về chính tả và hình thức văn bản.</p>

Số: 11/2023/NQ-HĐQT

Hòa Bình, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**
V/v: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công Ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (“HĐQT”)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 25/4/2023;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2023;
- Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 25/4/2023 của ĐHĐCĐ Công Ty;
- Biên bản họp HĐQT số 02/2023/BB-HĐQT ngày 25/4/2023 của HĐQT Công Ty,

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Bầu Ông Lê Văn Thăng làm chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà kể từ ngày 25/4/2023.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thăng